TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/4/2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân**:*** Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Viết Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1066/2022 ngày 07/12/2022, về việc *"*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 17/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H Y

Địa chỉ: Buôn P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Y N

Địa chỉ: Buôn E, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị H Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Y N chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/3/2007 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống anh Y N không có trách nhiệm với gia đình, không chịu đi làm để trang trải cuộc sống dẫn đến tình trạng hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi vã. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng anh Y N vẫn không thay đổi bản tính và không có trách nhiệm với gia đình, con cái. Hiện nay chị cảm thấy

tình cảm vợ chồng ngày càng rơi vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị ly hôn với anh Y N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung là cháu: H'L , sinh ngày: 22/3/2007 và Y B , sinh ngày 25/3/2011. Hiện nay các cháu đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có.

2. Đối với bị đơn anh Y N: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến gì, không tham gia tố tụng và không tham gia phiên tòa, qua xác minh tại địa phương cho biết hiện nay anh Y N đang cư trú tại địa phương, quá trình sinh sống tại địa phương vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự còn bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Y; Chị H Y được ly hôn với anh Y N ; Về con chung: Giao cháu H'L , sinh ngày: 22/3/2007 và Y B , sinh ngày 25/3/2011 cho chị H Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chị H Y không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Nguyên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là ly hôn và nuôi con đây là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung: Chị H Y và anh Y N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, anh Y N hay uống rượu đánh đập chị H Y nên vợ chồng đã sống ly thân nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa chị H Y và anh Y N đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của H Y là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng 02 con chung là cháu: H’L , sinh ngày: 22/3/2007 và Y B , sinh ngày 25/3/2011. Hiện các con đang ở với chị H Yăk Niê Buôn Rít, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lời khai của hai cháu cũng có nguyện vọng ở với chị H Y nên Hội đồng xét xử cần giao cháu hai cháu cho chị H Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H Y không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn chị H Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Yăk Niê Buôn Rít.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị H Y được ly hôn với anh Y N

2.Về con chung: Giao cháu H'L , sinh ngày: 22/3/2007 và Y B , sinh ngày 25/3/2011 cho chị H Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị H Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0022766 ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P. Tân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Mai